

Số: /TB-SGD&ĐT

Hòa Bình, ngày tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố năm 2024

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội tỉnh Hòa Bình năm 2024;

Thực hiện Công văn số 3811/SNV-TCBC ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Sở Nội vụ về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế viên chức năm 2024-2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 4292/SNV-TCBC ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế viên chức năm học 2024-2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 4434/SNV-CCVC ngày 19 tháng 10 năm 2024 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025; Công văn số 4477/SNV-CCVC ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Sở Nội vụ về việc gửi chỉ tiêu tuyển dụng viên chức tại Hội đồng tuyển dụng Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024; Hướng dẫn số 931/HD-SNV ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc hướng dẫn tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, chuyển công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 3048/KH-SGD&ĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025,

Sở Giáo dục và Đào tạo Thông báo tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố năm 2024 (sau đây gọi tắt là Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2024) như sau:

I. CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN TUYỂN DỤNG

1. Chỉ tiêu tuyển dụng: 111 chỉ tiêu.

1.1. Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo 94 chỉ tiêu. Cụ thể theo vị trí việc làm:

- Giáo viên khối trường trung học phổ thông: 70 chỉ tiêu;
- Giáo viên khối trường dân tộc nội trú THCS và THPT: 07 chỉ tiêu;
- Giáo viên Trung tâm GDTX tỉnh Hòa Bình: 01 chỉ tiêu;
- Nhân viên Kế toán: 03 chỉ tiêu;
- Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm: 02 chỉ tiêu;
- Nhân viên Thư viện: 03 chỉ tiêu;
- Nhân viên Giáo vụ: 03 chỉ tiêu;
- Nhân viên Văn thư: 05 chỉ tiêu.

1.2. Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện: Tân Lạc, Lương Sơn, Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Thủy, Cao Phong và thành phố Hòa Bình 17 chỉ tiêu. Cụ thể:

- 02 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Lạc, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc.

- 03 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lương Sơn, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn.

- 02 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đà Bắc, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đà Bắc.

- 04 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Kim Bôi, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi.

- 01 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lạc Thủy, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy.

- 01 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cao Phong, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong.

- 04 chỉ tiêu giáo viên Trung học phổ thông, giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Hòa Bình, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình.

(Có biểu cơ cấu chuyên môn tuyển dụng viên chức kèm theo).

2. Điều kiện đăng ký tuyển dụng

2.1. Điều kiện chung

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam, có nguyện vọng công tác lâu dài tại tỉnh Hoà Bình từ 05 năm trở lên;

- Từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có phiếu đăng ký dự tuyển;

- Có lý lịch rõ ràng;

- Có Bằng tốt nghiệp đúng chuyên ngành vị trí việc làm dự tuyển *(theo biểu chi tiết kèm theo)*. Trường hợp có bằng đào tạo chuyên môn tại nước ngoài phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn đối với thí sinh dự tuyển theo từng vị trí việc làm

a) Người đăng ký dự tuyển Giáo viên trung học phổ thông có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, đúng chuyên ngành và đủ điều kiện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển tại Thông tư số 04/2021/TT-BGGĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập và Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023.

b) Người đăng ký dự tuyển giáo viên Trung học cơ sở phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, đúng chuyên ngành, có đủ điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự tuyển tại Thông tư số 03/2021/TT-BGGĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập và Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023.

c) Người đăng ký dự tuyển nhân viên Thiết bị, thí nghiệm phải có trình độ cao đẳng trở lên, thuộc ngành đào tạo Công nghệ thiết bị trường học; Sư phạm Sinh, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa phải có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

d) Người đăng ký dự tuyển vị trí nhân viên Giáo vụ phải có trình độ đại học trở lên, thuộc các chuyên ngành sư phạm và đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

e) Người đăng ký dự tuyển nhân viên Thư viện có trình độ đại học trở lên thuộc ngành đào tạo Thông tin thư viện; Thư viện; Khoa học thư viện phải có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hoá truyền thông và Du lịch về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện để đủ điều kiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

g) Người đăng ký dự tuyển nhân viên Kế toán phải có trình độ đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo Kế toán; Tài chính - Kế toán phải có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 6 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

h) Người đăng ký dự tuyển vị trí nhân viên Văn thư có trình độ đại học trở lên, thuộc ngành đào tạo Hành chính; Hành chính - Văn thư; Lưu trữ phải có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

- Riêng đối với thí sinh dự tuyển giáo viên bộ môn Tiếng Anh, giáo viên bộ môn Tin học tốt nghiệp các trường ngoài ngành sư phạm nhưng được đào tạo chuyên ngành đúng vị trí việc làm theo cơ cấu tuyển dụng đã được thẩm định, khi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển nếu chưa có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quy định, phải nộp bản cam kết tự học để hoàn thiện chứng chỉ trong thời gian tập sự. Khi hết thời gian tập sự phải bổ sung chứng chỉ để đủ điều kiện theo tiêu chuẩn quy định của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2.3. Những trường hợp sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

II. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

4. Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều đối tượng ưu tiên nêu trên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

III. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

Việc tuyển dụng được thực hiện bằng hình thức xét tuyển, gồm 02 vòng, cụ thể như sau:

a) Vòng 1: Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

- Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ điều kiện thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Những trường hợp thí sinh có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau sẽ được miễn sát hạch ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số; là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Những thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển viên chức tổ chức sát hạch để đánh giá khả năng sử dụng ngoại ngữ

theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng. Thí sinh đạt 50% yêu cầu bài sát hạch thì đủ điều kiện tham dự vòng 2. Việc tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ được thực hiện ngay khi có kết quả kiểm phiếu đăng ký dự tuyển. Thí sinh có điểm sát hạch ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100 điểm) được tham gia dự sát hạch vòng 2. Khi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển thí sinh phải đăng ký rõ khả năng sử dụng môn ngoại ngữ để kiểm tra sát hạch.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức: Vấn đáp

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức; kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Vấn đáp 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian thi).

d) Thang điểm: 100 điểm.

e) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm vấn đáp.

(có danh mục tài liệu ôn tập cho từng vị trí việc làm kèm theo)

2. Xác định người trúng tuyển

2.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm kiểm tra sát hạch tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

2.3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

3. Kinh phí tuyển dụng

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ SAU KHI TRÚNG TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) vào một vị trí việc làm tại một trường có chỉ tiêu tuyển dụng (nếu đăng ký từ 02 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự tuyển), người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu dự tuyển.

Ngoài Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định (nêu trên), người đăng ký dự tuyển phải bổ sung một số giấy tờ sau:

- Bản cam kết công tác tại các đơn vị, trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo từ 05 năm trở lên (*không kể thời gian tập sự*);

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (*đối với những vị trí việc làm tuyển dụng yêu cầu trình độ ngoại ngữ, tin học thì người đăng ký dự tuyển phải kê khai trong phiếu dự tuyển và nộp các bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đã ghi trong phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định*). Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có công nhận của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp và phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên được cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu thí sinh đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên*);

- Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh bản chính nếu thí sinh là người dân tộc thiểu số;

- Hai ảnh 4x6, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, thời gian chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển, ghi đủ họ tên và ngày, tháng, năm sinh phía sau ảnh;

- 03 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ của người nhận.

2. Hồ sơ sau khi trúng tuyển

Sau khi trúng tuyển trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ tuyển dụng theo quy định. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ kết quả học tập, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) và xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ có liên quan theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Hội đồng tuyển dụng viên chức để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có) theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng; hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo công khai trên trang thông tin điện tử và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ HỒ SƠ

1. Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ: Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến hết thứ bảy ngày 30 tháng 11 năm 2024 (vào giờ làm việc các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu), riêng thứ bảy ngày 30/11/2024 nhận Phiếu và hồ sơ đăng ký dự tuyển đến 17h00.

2. Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ: Phòng Tiếp công dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Số 35, Đường Lý Nam Đế, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Các thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng viên chức năm 2024, được Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo tại Cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, các thí sinh cập nhật trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ: <http://www.hoabinh.edu.vn>; số điện thoại liên hệ: 02183.855.770 (Phòng Tổ chức cán bộ) trong giờ hành chính./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để giám sát);
- Đài PT và TH tỉnh Hòa Bình;
- Báo Hòa Bình;
- Website Sở GD&ĐT;
- Các thành viên HĐTD;
- Lưu: VT, TCCB (15b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Thị Hường

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGD&ĐT ngày /10/2024 của Sở GD&ĐT)

I. SÁT HẠCH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Sát hạch đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng (nếu có).

Tổ chức sát hạch đối với thí sinh đăng ký vào vị trí việc làm có yêu cầu trình độ ngoại ngữ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm quy định. Nếu trường hợp thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tiếng dân tộc hoặc bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì Hội đồng xét tuyển viên chức tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí tuyển dụng.

- Thí sinh sát hạch 01 ngoại ngữ theo Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức.

- Việc tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ được thực hiện ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu đăng ký dự tuyển. Thí sinh có điểm sát hạch ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) được tham dự vòng 2.

- Luyện tập giới thiệu thành thạo về thông tin cá nhân. Để đảm bảo rằng bạn có thể vượt qua phần thi giới thiệu bản thân dễ dàng.

- Chủ đề thường gặp trong phần sát hạch bao gồm:

+Quốc tịch;

+Chuyên ngành/môn học;

+Gia đình, quê hương;

+Hoạt động trong thời gian rảnh;

+Sở thích/sở ghét.

- Thời gian phần 1: Từ 3-5 phút. Thí sinh tự giới thiệu bản thân sau đó trả lời trôi chảy câu hỏi của giám khảo. Trọng tâm phần này là sử dụng những ngôn ngữ giao tiếp và xã hội.

II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

6. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

7. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên;

8. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo;

10. Xử lý tình huống nghiệp vụ sư phạm.

III. VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

6. Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

7. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

8. Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên Trung tâm Giáo dục thường xuyên;

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo;

10. Xử lý tình huống nghiệp vụ sư phạm.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM KẾ TOÁN VIÊN

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Kế toán số 88/2015/QH 13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

3. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

6. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

7. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

8. Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

9. Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 6/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Xử lý tình huống nghiệp vụ.

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM THIẾT BỊ - THÍ NGHIỆM

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

6. Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông;

7. Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở;

8. Thông tư 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về đạo đức nhà giáo.

10. Xử lý tình huống nghiệp vụ.

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM THƯ VIỆN VIÊN HẠNG III

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019;

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

4. Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện;

5. Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

6. Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

7. Xử lý tình huống nghiệp vụ.

VII. VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VỤ

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

6. Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập;

7. Xử lý tình huống nghiệp vụ.

VIII. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VĂN THƯ VIỆN

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;
 3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
 4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 5. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;
 6. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
 7. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;
 8. Xử lý tình huống nghiệp vụ./.
-

**CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CÁC HUYỆN THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGD&ĐT ngày tháng 10 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chuyên ngành	Trình độ	Vị trí việc làm	Số lượng	Đơn vị
	Tổng số chỉ tiêu:			111	
A	Các đơn vị GD công lập trực thuộc Sở GD&ĐT			94	
I	TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG			77	
1	Giáo viên Trung học phổ thông			70	
-	Sư phạm Toán học.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	12	Trường THPT Công Nghiệp: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Kim Bôi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Sào Báy: 1 chỉ tiêu; Trường THPT 19-5: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Bắc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Yên Thủy B: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 02 chỉ tiêu; Trường THPT Mường Bi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu B: 1 chỉ tiêu;
-	Sư phạm Hóa học.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	2	Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cộng Hòa: 1 chỉ tiêu.
-	Sư phạm Sinh học.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường THPT Mường Chiềng: 1 chỉ tiêu

-	Sư phạm Ngữ văn.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	9	Trường THPT Cù Chính Lan: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Sào Báy: 1 chỉ tiêu; Trường THPT 19-5: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Yên Thủy C: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu: 02 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu B: 1 chỉ tiêu.
-	Sư phạm Lịch sử.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	11	Trường THPT Lạc Long Quân: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Công Nghiệp: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Ngô Quyền: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Kim Bôi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Sào Báy: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đại Đồng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mường Bi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đoàn Kết: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Yên Hòa: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mường Chiềng: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Địa lý.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	9	Trường THPT Cù Chính Lan: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Sào Báy: 1 chỉ tiêu; Trường THPT 19-5: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Thủy C: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cộng Hòa: 02 chỉ tiêu; Trường THPT Đại Đồng: 1 chỉ tiêu.
-	Sư phạm Giáo dục công dân; Sư phạm Giáo dục Chính trị.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	4	Trường THPT Ngô Quyền: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cộng Hòa: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đại Đồng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mường Chiềng: 1 chỉ tiêu

-	Sư phạm: Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	8	Trường THPT Công Nghiệp: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Phú Cường: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lương Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT 19-5: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cộng Hòa: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mường Bi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu B: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Tin học; Công nghệ thông tin.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	2	Trường THPT Thạch Yên: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đoàn Kết: 1 chỉ tiêu;
-	Sư phạm: Kỹ thuật công nghiệp; Công nghệ	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	2	Trường THPT Cộng Hòa: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đại Đồng: 1 chỉ tiêu.
-	Sư phạm: Kỹ thuật nông nghiệp; Công nghệ	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường THPT Yên Thủy B: 1 chỉ tiêu.
-	Sư phạm Giáo dục thể chất; Thể dục thể thao	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	3	Trường THPT Phú Cường: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cù Chính Lan: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đại Đồng: 1 chỉ tiêu.

-	Sư phạm Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	6	Trường THPT Lạc Long Quân: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Nam Lương Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Cù Chính Lan: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Kim Bôi: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Mai Châu A : 1 chỉ tiêu
2	Nhân viên Trung học phổ thông			7	
-	Công nghệ thiết bị trường học; Sư phạm Sinh; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa	Cao đẳng trở lên	Thiết bị ,Thí nghiệm	1	Trường THPT Mường Chiềng: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm	Đại học	Giáo vụ	1	Trường PT DTNT THPT tỉnh: 1 chỉ tiêu
-	Kế toán; Tài chính - Kế toán	Đại học	Kế toán viên	2	Trường THPT Thanh Hà: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Quyết Thắng: 1 chỉ tiêu
-	Thư viện; Thông tin thư viện; Khoa học thư viện	Đại học	Thư viện viên hạng III	3	Trường THPT Lạc Thủy A: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường THPT Đà Bắc: 1 chỉ tiêu
II	TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG			16	
1	Giáo viên Trung học phổ thông			7	
-	Sư phạm Toán học	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Cao Phong: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Vật Lý	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Cao Phong: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Ngữ văn	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường PT DTNT THCS &THPT B huyện Mai Châu: 1 chỉ tiêu

	Sư phạm Ngữ văn	Đại học	Giáo viên Trung học cơ sở	1	Trường PT DTNT THCS B huyện Đà Bắc: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Lịch sử	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Mai Châu: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm Giáo dục công dân; Sư phạm Giáo dục Chính trị.	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	2	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Cao Phong: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Lạc Thủy: 1 chỉ tiêu
2	Nhân viên			9	
-	Công nghệ thiết bị trường học; Sư phạm Sinh; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa	Cao đẳng trở lên	Thiết bị,Thí nghiệm	1	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu
-	Kế toán; Tài chính - Kế toán.	Đại học	Kế toán	1	Trường PT DTNT THCS &THPT huyện Yên Thủy: 1 chỉ tiêu
-	Hành chính; Hành chính - Văn thư; Lưu trữ	Đại học	Văn thư viên	5	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Cao Phong: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Lạc Sơn: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Mai Châu: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Đà Bắc: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS &THPT huyện Lương Sơn: 1 chỉ tiêu
-	Sư phạm	Đại học	Giáo vụ	2	Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Mai Châu: 1 chỉ tiêu; Trường PT DTNT THCS&THPT B huyện Mai Châu: 1 chỉ tiêu
III	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tỉnh			1	
-	Sư phạm Địa lý	Đại học	Giáo viên Trung học phổ thông	1	

B	Các Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố			17	
I	Thành phố Hòa Bình			4	
-	Su phạm Toán	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
-	Su phạm Địa lý	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
-	Su phạm Sinh học	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
II	Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc			2	
-	Su phạm Toán; Toán học	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
-	Su phạm Văn; Ngữ văn	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
III	Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn			3	

-	Su phạm Toán; Toán-Tin;	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
-	Su phạm Ngữ văn	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
-	Su phạm Địa lý	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
IV	Ủy ban nhân dân huyện Đà Bắc			2	
-	Su phạm Toán	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
-	Su phạm Hóa học	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
V	Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi			4	
-	Su phạm Ngữ văn	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên
-	Su phạm Địa lý	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	

-	Su phạm Lịch sử	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
-	Su phạm Hóa học	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	
VI	Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy			1	
-	Su phạm Văn; Ngữ văn	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
VII	Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong			1	
-	Su phạm Lý	Đại học trở lên	Giáo viên Trung học phổ thông	1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên